

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 191/2022/DS-PT

Ngày 21 – 7 – 2022

V/v tranh chấp hợp mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa.

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1980; cư trú tại: Số 124 Lý Tự Trọng, xã L, thành phố C, tỉnh C . (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trương Minh D, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

2. Bà Bạch Ngọc A, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bạch Ngọc A, ông Trương Minh D: Anh Nguyễn Văn Quốc Sol - Sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Số 329 V1/10 đường Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Minh N; cư trú tại: Ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Minh D và Bà Bạch Ngọc A là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành S trình bày:*

Vào đầu năm 2015 ông L có hợp đồng miệng, mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản với anh Trương Minh Kỳ là con ông D, bà A. Đến ngày 04/10/2015 hai bên kết nợ, anh Kỳ còn thiếu số tiền 121.150.000 đồng, do anh Kỳ không có khả năng trả nợ nên ông D đứng ra hợp đồng giao dịch mua bán với ông L. Quá trình mua bán ông D đến đại lý nhận hàng hoặc đại lý giao hàng tận nhà cho ông D và theo dõi bằng sổ ghi. Hai bên thỏa thuận cuối vụ nuôi tôm khi thu hoạch tôm, sẽ thanh toán nợ. Từ ngày 04/10/2015 đến ngày 08/6/2018 ông L hợp đồng mua bán với ông D tổng số nợ là 760.552.945 đồng. Việc ông D mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản để nuôi tôm trên phần đất của ông D nhằm tạo thu nhập chung cho vợ chồng ông D nên ông L yêu cầu ông D và bà A cùng có trách nhiệm phải trả cho anh L số tiền 760.552.945 đồng.

* *Bị đơn ông Trương Minh D trình bày:* Ông xác định từ trước đến nay không ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với ông L. Vào thời gian nào ông không nhớ, ông L có đến nhà đưa cho ông cuốn sổ nợ và yêu cầu ông ký xác nhận nợ cho con ông tổng nợ là 881.672.945 đồng. Ông D có ký tên vào sổ nợ này, mục đích của ông là ký xác nhận con ông là Trương Minh Kỳ nợ 121.150.000 đồng và Trương Minh N nợ 760.552.945 đồng, còn phần ông từ trước đến nay không nuôi tôm công nghiệp, cũng như không giao dịch mua bán gì với ông L. Ông D xác định chữ viết và chữ ký trong sổ ca ro của ông L cung cấp cho Tòa án là do ông viết và ký tên, nhưng phía trên dòng chữ ông viết là chữ ghi phần nợ của anh Kỳ, anh N và ngoài sổ ghi này ra còn một sổ ghi khác mà phía trên dòng chữ ông viết là chữ ghi phần nợ của anh Kỳ và phần nợ của anh N, không có nợ của ông. Ông L tự cắt ghép chữ viết của ông để kiện đòi ông trả nợ, phần nợ 760.552.945 đồng là nợ của anh N nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L.

* *Bị đơn Bà Bạch Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh N:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L. Buộc ông Trương Minh D và bà Bạch Ngọc A phải trả cho ông Trần Văn L tổng số tiền là 760.522.945 đồng (bảy trăm sáu mươi triệu năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn L không phải chịu; ngày 21 tháng 01 năm 2022, ông L đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 17.211.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm mười một nghìn đồng) lai số 0011924 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được hoàn lại.

Ông Trương Minh D và bà Bạch Ngọc A phải chịu 34.420.917 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm mười bảy đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lỗi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/4/2022 ông Trương Minh D và bà Bạch Ngọc A có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà có nghĩa vụ liên đới cùng ông Trương Minh D trả số tiền 760.522.945đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của ông D và bà A thay đổi kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm lý do ông L không có quyền khởi kiện, cấp sơ thẩm không công khai chứng cứ bản chính biên nhận, chữ ký và viết lấp ghép, bên mua hàng chưa vi phạm nghĩa vụ. Bà A không liên quan việc mua bán thức ăn không nhằm phục vụ thiết yếu trong gia đình, ông D không mua bán chỉ nhận nợ thay cho anh Nhật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Minh D và bà Bạch Ngọc A. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông D, bà A cho rằng số nợ không liên quan bà A, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án không buộc bà A cùng có trách nhiệm thanh toán nợ.

Việc mua bán thức ăn của nguyên đơn và bị đơn. Ông L cho rằng có giao dịch mua bán thuốc và thức ăn nuôi tôm với ông D, ông D còn nợ ông L số tiền 760.552.945 đồng, còn bị đơn ông D cho rằng không giao dịch mua bán với ông L, số tiền ông L kiện là nợ của anh N con ông D. Tại phiên tòa anh N có thừa nhận ông D có ký hai biên nhận, nợ này là của anh thiếu.

[2] Xét quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng và có sổ ghi theo dõi của ông L. Do đó, việc nguyên đơn trình bày giao dịch mua bán thỏa thuận bằng miệng có sổ ghi theo dõi nhận hàng và tổng kết nợ là phù hợp, đây là chứng cứ. Ông D cho rằng ông ký nhận nợ thay cho con là anh N với tư cách là người cha bảo lãnh nợ cho con, ông L cắt ghép chữ viết của ông để kiện đòi ông trả nợ nhưng vấn đề này không được nguyên đơn thừa nhận cũng như ông D không có chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày này của ông. Tại giấy ghi ngày 08/6/2018 ông L cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: *“Tổng nợ 2 sổ phần Kỳ 121.150.000 đồng, anh Út Đức 760.522.945, tổng nợ 881.672.945, tôi thừa nhận có thiếu đại lý Tâm Lực = tám trăm tám mươi một triệu sáu trăm bảy mươi*

hai triệu chín trăm bốn mươi lăm triệu đồng ký tên và ghi họ tên Trương Minh D”. Như vậy, theo giấy ghi này không có nội dung nào thể hiện phần nợ của anh N cũng như ông D nhận nợ thay cho anh N. Quá trình giải quyết vụ án ông D cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy ghi ông L nộp cho Tòa án là của ông, khi viết và ký tên vào giấy ghi nợ này không ai ép buộc, ông D cũng không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa ông D đã được xem giấy ghi nợ ngày 08/6/2018 bản chính, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã xem và đối chiếu bản chính có xác nhận chữ ký của thẩm phán, thì các chữ viết trong giấy ghi này không có sự cắt ghép hay chỉnh sửa. Do đó, ông D cho rằng ông L tự cắt ghép chữ viết của ông để kiện đòi ông trả nợ là không có cơ sở.

Việc kết toán nợ diễn ra từ năm 2018 đến nay bị đơn cũng chưa thanh toán được khoản nào cho nguyên đơn. Như vậy đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng mua bán. Quá trình xét xử sơ thẩm cấp sơ thẩm đã đóng dấu đối chiếu biên nhận nợ với bản chính.

Cấp sơ thẩm xác định ông D có nợ ông L số tiền 760.522.945 đồng. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, ông D xác nhận nợ và mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản. Việc mua bán thức ăn tôm, nuôi trồng thủy sản nhằm tạo kinh tế thu nhập chung trong gia đình, trong thời kỳ hôn nhân với bà Bạch Ngọc A. Ông D và bà A là vợ chồng hôn nhân vẫn đang tồn tại, nên xác định là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, bà A cũng không chứng minh được việc ông D mua thức ăn là để sử dụng riêng cá nhân.

Tại điều 27. Luật hôn nhân gia đình quy định trách nhiệm liên đới của vợ chồng. Điều 30. Luật hôn nhân gia đình qui định quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Điều 37. Luật hôn nhân và gia đình qui định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Do đó, bà A cùng có trách nhiệm trả nợ với ông D là phù hợp.

[4] Đối với anh Trương Minh N cũng như các nhận định đã nêu trên, không có cơ sở chứng minh số tiền 760.522.945 đồng là nợ của anh N nên anh N không liên quan đến phần nợ này. Đối với anh Trương Minh Kỳ, ông D khai anh Kỳ nợ anh L số tiền 121.150.000 đồng. Xét thấy, hiện nay ông L đã khởi kiện anh Kỳ trong vụ án khác nên Tòa án không đưa anh Kỳ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo yêu cầu thu thập chứng cứ bản chính sổ tổng kết nợ biên bản giao nhận hàng hóa, biên bản lấy lời khai người chứng kiến việc ông D có nhận hàng hóa của ông L. Người kháng cáo không đưa ra được, tài liệu chứng cứ, để chứng minh cho việc kháng cáo. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà A, ông D.

[5] Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với những phân tích nhận định trên.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, bà A phải chịu 34.420.917 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng).

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà A phải chịu. Ông D là người cao tuổi, có đơn xin miễn nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bạch Ngọc A, ông Trương Minh D

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L. Buộc ông Trương Minh D và bà Bạch Ngọc A phải trả cho ông Trần Văn L tổng số tiền 760.522.945 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày ông Trần Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trương Minh D và bà Bạch Ngọc A không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn L không phải chịu. Ngày 21 tháng 01 năm 2022, ông L đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 17.211.000 đồng (Mười bảy triệu, hai trăm mười một nghìn đồng) lai số 0011924 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được hoàn lại.

Ông Trương Minh D và bà Bạch Ngọc A phải chịu 34.420.917 đồng (Ba mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Minh D được miễn. Bà Bạch Ngọc A phải nộp 300.000đ. Ngày 18/4/2022, bà A đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (lai số 0012304), tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

